CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT
NHANTAMVIET AUDITING COMPANY

Kết nối - Phát triển

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán 2025

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT TÂY NINH

Đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

		Trang
1.	Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 4
2.	Báo cáo Kiểm toán độc lập	5 – 6
	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
3.	Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	7 – 8
4.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho niên độ kế toán 2025	9 – 10
5.	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán 2025	11 – 12
6.	Thuyết minh Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán 2025	13 – 40

****

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Tây Ninh trình bày Báo cáo này cùng các Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán 2025 của Công ty.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Tây Ninh (sau đây gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo **Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV** do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh cấp; Mã số doanh nghiệp **3900244438,** đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 7 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 27 tháng 10 năm 2022.

Vốn điều lệ : **488.800.000.000 Đồng**

Vốn Pháp định : **6.000.000.000 Đồng**

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh: Hoạt động xổ số và dịch vụ.

Trụ sở chính

Địa chỉ : Số 315A, đường Trần Hưng Đạo, Khu phố 22, Phường Tân Ninh, Tỉnh Tây Ninh

Điện thoại : (84-0276) 382 2315

Fax : (84-0276) 382 2327

E-mail : lienhe@xosotayninh.com.vn

Mã số thuế : **3900244438**

CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chủ tịch và Ban Giám đốc của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này như sau:

Chủ tịch Công ty

Ông Hà Văn Cung

Trưởng Ban kiểm soát

Bà Đỗ Hòa Huyền Vân

Ban Giám đốc

1.	Ông	Nguyễn Thanh Phong	Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Công ty
2.	Ông	Võ Đăng Khoa	Phó Giám đốc
3.	Bà	Nguyễn Thanh Loan	Phó Giám đốc
4.	Ông	Nguyễn Xuân Vũ	Phó Giám đốc

Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Thanh Huy

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt - Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán 2025 của Công ty.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán 2025 kết thúc cùng ngày của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Tây Ninh được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm từ trang 07 đến trang 40.

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán 2025 cho đến ngày phát hành Báo cáo tài chính này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập các Báo cáo tài chính này và cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

* Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

* Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;

* Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;

* Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;

* Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, các sổ kế toán thích hợp đã được lưu giữ đầy đủ, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán 2025 kết thúc cùng ngày của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Công ty Xổ số Kiến thiết hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác. Đồng thời cam kết thực hiện đúng các quy định công bố Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho các cơ quan quản lý Nhà nước.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chủ tịch và Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt các Báo cáo tài chính kèm theo, các Báo cáo này đã được lập một cách đúng đắn, phản ảnh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán 2025 kết thúc cùng ngày của Công ty.

Thay mặt Ban Giám đốc Công ty

M.S.D.N: 3900244188 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT TÂY NINH
TP. TÂY NINH - T. TÂY NINH

Giám đốc - Nguyễn Thanh Phong

Tây Ninh, ngày 18 tháng 3 năm 2026

Số: 1510.01/2026/BCTC-NTV.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

KÍNH GỬI: CHỦ SỞ HỮU, CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT TÂY NINH

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán 2025 kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Tây Ninh, được lập ngày 18 tháng 3 năm 2026, từ trang 07 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán 2025 kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Công ty Xổ số Kiến thiết hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán 2025 của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Tây Ninh.

Báo cáo đã được trình bày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Công ty Xổ số Kiến thiết hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2026

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

M.S.C.N: 0102038482-003 CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Phó Giám đốc - Huỳnh Hữu Phước	**Kiểm toán viên – Lê Ẩn Thoa**
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	*Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán*
Số: 1762-2023-124-1	*Số : 4705-2024-124-1*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

ĐVT: Đồng

Mã số	Tài sản	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	**A. Tài sản ngắn hạn**		**1.115.547.849.617**	**1.125.716.537.293**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	V.1	**425.735.569.177**	**308.785.932.369**
111	1. Tiền		99.645.569.177	83.485.932.369
112	2. Các khoản tương đương tiền		326.090.000.000	225.300.000.000
120	**II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**		**493.080.000.000**	**513.590.000.000**
121	1. Đầu tư ngắn hạn	V.2	493.080.000.000	513.590.000.000
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**190.465.652.141**	**288.383.904.116**
131	1. Phải thu khách hàng	V.3	178.891.801.809	275.534.475.209
132	2. Trả trước cho người bán	V.4	109.970.000	32.000.000
135	3. Các khoản phải thu khác	V.5	11.463.880.332	12.817.428.907
140	**IV. Hàng tồn kho**		**6.141.770.104**	**14.953.351.944**
141	1. Hàng tồn kho	V.6	6.141.770.104	14.953.351.944
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**124.858.195**	**3.348.864**
154	1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.7	124.858.195	3.348.864
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**44.157.248.894**	**47.380.570.906**
210	**I. Các khoản phải thu dài hạn**		**-**	**-**
220	**II. Tài sản cố định**		**42.267.983.859**	**45.079.857.307**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	25.550.453.859	28.362.327.307
222	- *Nguyên giá*		*89.398.251.568*	*89.863.649.776*
223	- *Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(63.847.797.709)*	*(61.501.322.469)*
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.9	16.717.530.000	16.717.530.000
228	- *Nguyên giá*		*16.807.030.000*	*16.807.030.000*
229	- *Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(89.500.000)*	*(89.500.000)*
240	**III. Bất động sản đầu tư**		**-**	**-**
240	**IV. Tài sản dở dang dài hạn**		**-**	**-**
250	**IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**		**356.500.000**	**356.500.000**
258	1. Đầu tư dài hạn khác	V.10	356.500.000	356.500.000
260	**V. Tài sản dài hạn khác**		**1.532.765.035**	**1.944.213.599**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.11	1.532.765.035	1.944.213.599
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**1.159.705.098.511**	**1.173.097.108.199**

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT TÂY NINH

Bảng Cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	Nguồn vốn	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	**A. NỢ PHẢI TRẢ**		**326.839.779.792**	**387.220.377.330**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**326.295.054.792**	**386.675.652.330**
311	1. Phải trả người bán	V.12	644.000.000	-
312	2. Người mua trả tiền trước	V.13	1.047.069.387	880.160.794
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.14	224.057.801.949	179.202.378.929
314	4. Phải trả người lao động	V.15	13.106.316.700	11.515.515.315
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.16	32.406.556.980	29.853.985.593
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.17	-	18.181.818
319	5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	V.18	14.752.530	14.100.000
321	6. Dự phòng rủi ro trả thưởng	V.19	53.099.886.600	160.694.668.180
323	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.20	1.918.670.646	4.496.661.701
330	**II. Nợ dài hạn**		**544.725.000**	**544.725.000**
333	1. Phải trả dài hạn khác	V.21	544.725.000	544.725.000
400	**B. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**832.865.318.719**	**785.876.730.869**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	V.22	**832.865.318.719**	**785.876.730.869**
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	V.22.1	488.800.000.000	488.800.000.000
420	8 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	V.22.2	344.065.318.719	297.076.730.869
420b	- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*		*344.065.318.719*	*297.076.730.869*
430	**II. Nguồn kinh phí**		**-**	**-**
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**1.159.705.098.511**	**1.173.097.108.199**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	1. Công cụ, dụng cụ lâu bền đang sử dụng		7.455.642.748	7.805.024.599
	2. Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp		490.573.800.000	457.972.800.000
	3. Doanh số phát hành xổ số kiến thiết		252.880.000.000	131.215.000.000

Tây Ninh, ngày 18 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Võ Thị Thanh Trang	Nguyễn Thanh Huy	Nguyễn Thanh Phong

M.S.D.N: 3900244438 - C.T.N.H.H. CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT TÂY NINH TP. TÂY NINH - T. TÂY NINH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho niên độ kế toán 2025

ĐVT: Đồng

Mã số		Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	**1.**	**Doanh thu**	VI.23	**6.554.562.453.375**	**5.916.446.973.312**
	1.1	Doanh thu kinh doanh xổ số		6.550.443.636.364	5.912.768.881.818
	1.1.1	*Xổ số truyền thống*		*6.490.884.354.545*	*5.863.618.509.091*
	1.1.2	*Xổ số cào*		-	-
	1.1.3	*Xổ số bóc*		-	-
	1.1.4	*Xổ số tự chọn*		*59.559.281.819*	*49.150.372.727*
	1.1.5	*Xổ số điện toán*		-	-
	1.2	Doanh thu khác		4.118.817.011	3.678.091.494
2	**2.**	**Các khoản giảm trừ doanh thu**	VI.23	**854.405.691.700**	**771.230.723.715**
	2.1	Giảm trừ doanh thu kinh doanh xổ số		854.405.691.700	771.230.723.715
	2.1.1	*Xổ số truyền thống*		*846.637.089.722*	*764.819.805.533*
	2.1.2	*Xổ số cào*		-	-
	2.1.3	*Xổ số bóc*		-	-
	2.1.4	*Xổ số tự chọn*		*7.768.601.978*	*6.410.918.182*
	2.1.5	*Xổ số điện toán*		-	-
	2.2	Giảm trừ doanh thu khác		-	-
10	**3.**	**Doanh thu thuần**	VI.23	**5.700.156.761.675**	**5.145.216.249.597**
10.1	3.1	Doanh thu kinh doanh xổ số		5.696.037.944.664	5.141.538.158.103
	3.1.1	*Xổ số truyền thống*		*5.644.247.264.823*	*5.098.798.703.558*
	3.1.2	*Xổ số cào*		-	-
	3.1.3	*Xổ số bóc*		-	-
	3.1.4	*Xổ số tự chọn*		*51.790.679.841*	*42.739.454.545*
	3.1.5	*Xổ số điện toán*		-	-
10.2	3.2	Doanh thu kinh doanh khác		4.118.817.011	3.678.091.494
11	**4.**	**Chi phí kinh doanh**	VI.24	**4.674.038.550.862**	**4.210.671.305.455**
11.1	4.1	Chi phí kinh doanh xổ số		4.671.929.214.898	4.208.566.697.150
	4.1.1	*Chi phí trả thưởng*		*3.532.057.636.400*	*3.178.360.116.680*
	4.1.2	*Chi phí trực tiếp phát hành xổ số*		*1.139.871.578.498*	*1.030.206.580.470*
11.2	4.2	Giá vốn hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ đã bán		2.109.335.964	2.104.608.305

ĐVT: Đồng

Mã số		Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
20	**5.**	**Lợi nhuận gộp**		**1.026.118.210.813**	**934.544.944.142**
20.1	*5.1*	*Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh xổ số*		*1.024.108.729.766*	*932.971.460.953*
20.2	*5.2*	*Lợi nhuận từ HĐ bán hàng & cung cấp DV khác*		*2.009.481.047*	*1.573.483.189*
21	6.	Doanh thu hoạt động tài chính	VI.25	29.532.118.099	30.771.832.429
22	7.	Chi phí tài chính		-	-
23		*Trong đó: Chi phí lãi vay*		-	-
24	8.	Phần lãi hoặc lỗ trong liên doanh, liên kết		-	-
25	9.	Chi phí bán hàng		-	-
26	10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.26	96.881.174.183	85.888.179.560
30	**11.**	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**958.769.154.729**	**879.428.597.011**
31	12.	Thu nhập khác	VI.27	107.424.248.235	984.437.474
32	13.	Chi phí khác	VI.28	125.022.677	190.603.867
40	**14.**	**Lợi nhuận khác**		**107.299.225.558**	**793.833.607**
50	**15.**	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**1.066.068.380.287**	**880.222.430.618**
51	16.	Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.29	216.203.061.568	176.088.379.749
52	17.	Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	**18.**	**Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp**		**849.865.318.719**	**704.134.050.869**

Tây Ninh, ngày 18 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Võ Thị Thanh Trang	Nguyễn Thanh Huy	Nguyễn Thanh Phong

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho niên độ kế toán 2025

(Theo phương pháp trực tiếp)

ĐVT: Đồng

Mã số		Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**			
1	1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		6.006.388.165.134	5.252.577.621.741
2	2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ		(3.145.937.086.394)	(2.770.596.529.895)
3	3.	Tiền chi trả cho người lao động		(62.145.006.567)	(59.578.682.601)
4	4.	Tiền chi trả lãi vay		-	-
5	5.	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	V.14	(195.174.049.749)	(182.291.349.422)
6	6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		550.675.903.585	681.979.209.699
7	7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.291.978.843.921)	(2.277.399.167.442)
20		**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**861.829.082.088**	**644.691.102.080**
	II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**			
21	1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	(245.900.000)
22	2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		3.000.000	318.000.000
23	3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(657.230.000.000)	(785.490.000.000)
24	4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		677.740.000.000	822.300.000.000
25	5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		31.502.253.784	36.293.208.319
30		**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**		**52.015.253.784**	**73.175.308.319**

ĐVT: Đồng

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	-
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		-	-
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V.14	(796.894.699.064)	(693.619.221.804)
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**(796.894.699.064)**	**(693.619.221.804)**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**116.949.636.808**	**24.247.188.595**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**	V.1	**308.785.932.369**	**284.538.743.774**
61	- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	V.1	**425.735.569.177**	**308.785.932.369**

Tây Ninh, ngày 18 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Võ Thị Thanh Trang	Nguyễn Thanh Huy	Nguyễn Thanh Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và không thể tách rời các Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán 2025 của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Tây Ninh (sau đây gọi tắt là "Công ty").

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hình thức sở hữu vốn : Công ty TNHH Một thành viên 100% vốn Nhà nước

Lĩnh vực kinh doanh : Xổ số kiến thiết và Dịch vụ

Ngành nghề kinh doanh :

- Hoạt động xổ số;
- Cho thuê văn phòng;
- In ấn; Dịch vụ liên quan đến in;

Cấu trúc công ty

Tổ chức hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm Trụ sở chính và Chi nhánh hạch toán phụ thuộc tại thành phố Hồ Chí Minh. Chi tiết như sau:

Trụ sở chính

Địa chỉ : Số 315A, đường Trần Hưng Đạo, Khu phố 22, Phường Tân Ninh, Tỉnh Tây Ninh

Mã số thuế : **3900244438**

Chi nhánh Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ : Số 42 - 42A đường Đồng Nai, Phường Hòa Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh

Mã số thuế : **3900244438 – 002**

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

- Công ty áp dụng Chế độ kế toán theo Thông tư số 168/2009/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2009 của Bộ Tài chính: Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty Xổ số Kiến thiết.
- Những nội dung không hướng dẫn trong Thông tư nêu trên, Công ty thực hiện theo Luật Kế toán, các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính đã được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán Công ty Xổ số Kiến thiết hiện hành và các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam có liên quan.

Hình thức sổ kế toán

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

- Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.
- Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có tính thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu

- Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi trên hóa đơn, chứng từ gốc trừ dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.
- Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải thu.

4. Hàng tồn kho

- Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc.
- Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp: Nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp: Kê khai thường xuyên.

5. Tài sản cố định

Được coi là Tài sản cố định nếu thỏa mãn đồng thời cả ba tiêu chuẩn dưới đây:

- Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
- Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên;
- Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 Đồng (ba mươi triệu đồng) trở lên.

5.1. Tài sản cố định hữu hình

- Tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá TSCĐ hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được TSCĐ tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí. Khi TSCĐ hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong niên độ kế toán.
- Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013; Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016; Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 và Thông tư số 30/2025/TT-BTC ngày 30/5/2025 của Bộ Tài chính.

- Số năm khấu hao của các nhóm Tài sản cố định như sau:

	Nhóm Tài sản cố định hữu hình	**Số năm**
+	Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
+	Máy móc và thiết bị	03 - 10
+	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
+	Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
+	Tài sản cố định khác	03 - 06

5.2. Tài sản cố định vô hình

- Tài sản cố định (TSCĐ) vô hình là tài sản không có hình thái vật chất nhưng xác định được giá trị, doanh nghiệp có khả năng kiểm soát nguồn lực và tính chắc chắn của lợi ích kinh tế trong tương lai, thông thường có nguồn gốc từ quyền pháp lý.

- Nguyên giá TSCĐ vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được TSCĐ vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng. Thời gian tính khấu hao của TSCĐ vô hình tối đa là 20 năm, trường hợp vượt 20 năm thì phải có bằng chứng tin cậy và xác định được.

- TSCĐ vô hình của Công ty được thể hiện theo Nguyên giá trừ Hao mòn lũy kế và bao gồm:

❖ ***Quyền sử dụng đất***

- Nguyên giá TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất (QSDĐ) được xác định là gồm có: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp, chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí xây dựng các công trình trên đất).

- Chỉ trích khấu hao đối với QSDĐ xác định được thời hạn sử dụng; QSDĐ không xác định được thời gian sử dụng thì không trích khấu hao.

❖ ***Phần mềm máy vi tính***

- Nguyên giá phần mềm máy vi tính được xác định là toàn bộ các chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã bỏ ra để có các chương trình phần mềm trong trường hợp chương trình phần mềm là một bộ phận có thể tách rời với phần cứng có liên quan, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

- Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích là 03 năm.

6. Đầu tư tài chính

❖ ***Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong niên độ kế toán và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

❖ ***Khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

- Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

7. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước là chi phí công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng, được phân bổ vào chi phí làm 2 lần: 50% khi xuất dùng, 50% còn lại được phân bổ vào kỳ kế toán tiếp theo.

8. Nợ phải trả

Nợ phải trả được ghi nhận trong Bảng Cân đối kế toán khi có đủ điều kiện chắc chắn là Công ty sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại mà Công ty phải thanh toán và khoản nợ phải trả đó phải xác định được một cách đáng tin cậy. Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải trả.

9. Dự phòng rủi ro trả thưởng

- Việc trích lập dự phòng rủi ro trả thưởng chỉ áp dụng đối với loại hình sản phẩm xổ số được phép kinh doanh áp dụng phương thức trả thưởng cố định theo quy định của pháp luật về kinh doanh xổ số. Tại thời điểm trích lập, Công ty kinh doanh xổ số không bị lỗ và có tỷ lệ trả thưởng thực tế nhỏ hơn tỷ lệ trả thưởng kế hoạch theo quy định của pháp luật về kinh doanh xổ số.

- Dự phòng rủi ro trả thưởng được trích lập hàng năm tính vào chi phí phát hành xổ số dùng để làm nguồn chi trả thưởng trong trường hợp tỷ lệ trả thưởng thực tế trong năm lớn hơn tỷ lệ trả thưởng kế hoạch. Trường hợp quỹ dự phòng trả thưởng không còn đủ để chi thì phần trả thưởng thực tế còn lại được tính vào chi phí kinh doanh. Số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng sử dụng không hết được chuyển sang năm sau. Trường hợp số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng đã trích lập trong kỳ vượt giới hạn quy định thì được hoàn nhập vào thu nhập khác.

- Tỷ lệ trả thưởng thực tế và mức trích lập của từng loại hình xổ số được thực hiện theo Nghị định 122/2017/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số. Đối với các công ty xổ số kinh doanh tại khu vực Miền Nam mức trích lập phải đảm bảo tổng số dư Quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng không vượt quá 3% tổng doanh thu có thuế của tất cả loại hình xổ số được phép trích lập tại thời điểm trích lập.

10. Vốn chủ sở hữu

❖ ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Là vốn thuộc quyền sở hữu của Nhà nước.

❖ ***Lợi nhuận chưa phân phối***

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ảnh trên bảng Cân đối kế toán là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

❖ ***Phân phối lợi nhuận***

- Việc phân phối lợi nhuận và sử dụng các Quỹ trích lập từ lợi nhuận được thực hiện theo quy định tại Luật số 68/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về Luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2025; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018; Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ về đầu tư vốn của Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

- Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty, mức trích lập các quỹ được thực hiện theo quyết định của Chủ sở hữu hàng năm bằng văn bản.

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu của Công ty bao gồm: Doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số được phép kinh doanh; Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác ngoài hoạt động kinh doanh xổ số được pháp luật cho phép và doanh thu từ hoạt động tài chính.

- Việc ghi nhận doanh thu của doanh nghiệp kinh doanh xổ số được thực hiện phù hợp với chuẩn mực kế toán và các văn bản pháp luật về thuế hiện hành.

❖ ***Doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số***

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số được ghi nhận là toàn bộ số tiền bán vé phải thu phát sinh trong kỳ.

Do đặc thù của hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số, doanh thu từ hoạt động này được quản lý theo hai tiêu chí: "Doanh thu có thuế" và "Doanh thu chưa có thuế".

- ***"Doanh thu có thuế"*** là doanh thu đã bao gồm thuế Giá trị gia tăng và thuế Tiêu thụ đặc biệt. Doanh thu theo tiêu chí này nhằm để xác định các khoản chi hoa hồng đại lý, trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng, chi hỗ trợ phòng chống số đề, làm vé số giả.

- ***"Doanh thu chưa có thuế"*** là doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số không bao gồm thuế Giá trị gia tăng và thuế Tiêu thụ đặc biệt. Doanh thu theo tiêu chí này nhằm để xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh xổ số.

❖ ***Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác ngoài hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số***

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác ngoài hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số được pháp luật cho phép là toàn bộ số tiền phải thu phát sinh trong kỳ từ việc bán sản phẩm hàng hoá, cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp kinh doanh xổ số đã được xác định là tiêu thụ trong kỳ.

❖ ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu được ghi nhận khi hoạt động kinh tế phát sinh, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

12. Các khoản chi phí

- Doanh nghiệp kinh doanh xổ số chỉ được ghi nhận vào chi phí các khoản phát sinh liên quan đến hoạt động kinh doanh trong năm tài chính theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu, riêng chi phí trả thưởng được xác định theo thực tế phát sinh. Việc xác định chi phí của doanh nghiệp kinh doanh xổ số được thực hiện phù hợp với chuẩn mực kế toán và các văn bản pháp luật về thuế hiện hành.

- Ngoài ra các khoản chi phí được xác định là khoản chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh theo chế độ quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, doanh nghiệp kinh doanh xổ số được tính vào chi phí được trừ khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp đối với một số khoản chi phí đặc thù (theo Nghị định số 122/2017/NĐ-CP và Thông tư 138/2017/TT-BTC hướng dẫn một số khoản chi đặc thù đối với DN kinh doanh xổ số).

13. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

- Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên Thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

- Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ, cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

14. Báo cáo theo bộ phận

Công ty chủ yếu kinh doanh trong lĩnh vực xổ số (lĩnh vực kinh doanh khác không đáng kể), đồng thời toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện tại Việt Nam không có sự khác biệt lớn về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các khu vực địa lý nên Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực đại lý.

15. Bên liên quan

- Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

- Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

- Giao dịch với các bên có liên quan trong niên độ kế toán được trình bày tại **Khoản 2, Mục VII – Thông tin khác** của Thuyết minh Báo cáo tài chính.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

ĐVT: Đồng

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tiền và các khoản tương đương tiền		
- Tiền mặt	1.780.791.100	26.017.373.900
- Tiền gửi ngân hàng	97.864.778.077	57.468.558.469
- Các khoản tương đương tiền (*)	326.090.000.000	225.300.000.000
Cộng	**425.735.569.177**	**308.785.932.369**

(*) Khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng tại các Ngân hàng thương mại theo các hợp đồng tiền gửi có mức lãi suất dao 4,75%/năm và nhận lãi khi đáo hạn. Chi tiết như sau:

- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Ninh	170.000.000.000	135.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Trường Sơn	10.000.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ba Tháng Hai	15.000.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Tây Ninh	127.040.000.000	90.300.000.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Ninh	4.050.000.000	-
	326.090.000.000	**225.300.000.000**

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

Khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 03 tháng đến 12 tháng tại các Ngân hàng Thương mại theo các hợp đồng tiền gửi có mức lãi suất dao động từ 4,2%/năm đến 7,0%/năm và nhận lãi khi đáo hạn. Chi tiết như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Hòa Thành	88.030.000.000	83.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ba Tháng Hai	80.500.000.000	80.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Tây Ninh	78.590.000.000	32.700.000.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Tây Ninh	72.460.000.000	58.890.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Ninh	65.000.000.000	115.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Ninh - PGD Thị Xã	33.500.000.000	36.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Ninh	20.000.000.000	30.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Trường Sơn	16.000.000.000	21.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Thạnh	12.500.000.000	5.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoà Thành	10.000.000.000	10.000.000.000
- Ngân hàng Chính sách xã hội Ninh Thạnh	10.000.000.000	5.000.000.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Tây Ninh – PGD Tân Ninh 2	6.500.000.000	9.100.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu công nghiệp Trảng Bàng	-	15.400.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hàm Nghi	-	12.500.000.000
Cộng	**493.080.000.000**	**513.590.000.000**

3. Phải thu khách hàng

		Số cuối năm	Số đầu năm
❖	**Phải thu đại lý xổ số truyền thống**	**178.570.456.698**	**275.289.570.290**
-	Nguyễn Phước Hải	13.458.402.711	13.524.059.012
-	Lương Quan Thạch	9.867.780.255	25.893.135.187
-	Trần Đặng Minh Trung	9.591.530.680	14.072.567.630
-	Lương Ưng Thái	9.218.498.289	16.116.862.498
-	Trần Minh Trọng	8.557.851.409	15.787.904.186
-	Nguyễn Ngọc Yến	7.409.548.010	8.863.586.270
-	Phan Văn Thái	5.675.475.950	11.218.770.220
-	Nguyễn Thị Thùy Dương	4.910.751.156	11.490.764.980
-	Nguyễn Thị Mỹ Vân	4.651.888.532	5.755.539.045
-	Vũ Thị Lan	4.328.619.415	8.043.880.943
-	Lý Văn Út	4.225.824.492	8.193.110.693
-	Lý Thanh Tâm	4.167.900.000	7.767.987.343
-	Lý Thị Ngọc Trang	4.167.900.000	7.767.800.306
-	Lý Tấn Tài	4.167.900.000	7.767.639.007
-	Lý Thị Ngọc Nga	4.167.900.000	7.753.186.180
-	Lý Thị Ngọc Dung	4.167.900.000	7.767.884.730
-	Nguyễn Văn Tốt	3.190.424.392	11.506.804.391
-	Các đối tượng khác	72.644.361.407	85.998.087.669
❖	**Phải thu đại lý xổ số tự chọn**	**288.348.627**	**244.904.919**
-	Nguyễn Tấn Khoa	140.658.894	183.762.852
-	Trần Văn Khánh	147.689.733	53.426.753
-	Hà Thị Thùy Trang	-	7.715.314
❖	**Phải thu khách hàng khác**	**32.996.484**	**-**
	Cộng	**178.891.801.809**	**275.534.475.209**

4. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty TNHH Tư vấn nguồn nhân lực Hoàng Vân	73.710.000	-
- Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt	23.760.000	22.000.000
- Phạm Văn Giang	12.500.000	10.000.000
Cộng	**109.970.000**	**32.000.000**

5. Các khoản phải thu khác

- Lãi tiền gửi ngân hàng	10.705.308.698	12.675.444.383
- Thuế TNCN của CBCNV	128.971.634	114.784.524
- Các đối tượng khác	629.600.000	27.200.000
Cộng	**11.463.880.332**	**12.817.428.907**

6. Hàng tồn kho

- Nguyên liệu, vật liệu	1.581.023.704	11.578.624.244
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.323.241.764	2.419.470.010
- Hàng hóa	-	23.705.200
- Vé xổ số	1.237.504.636	931.552.490
Cộng	**6.141.770.104**	**14.953.351.944**

7. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước

Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước	**124.858.195**	**3.348.864**

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước là tiền thuê đất, thuế nhà đất đã nộp thừa.

8. Tài sản cố định hữu hình

Nhóm TS / Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
- Số đầu năm	56.012.470.169	13.166.680.198	5.968.134.925	13.522.141.824	1.194.222.660	89.863.649.776
- Thanh lý, nhượng bán	(42.537.235)	-	-	(422.860.973)	-	(465.398.208)
- Số cuối năm	**55.969.932.934**	**13.166.680.198**	**5.968.134.925**	**13.099.280.851**	**1.194.222.660**	**89.398.251.568**
Giá trị hao mòn						
- Số đầu năm	29.733.598.672	12.787.528.471	4.552.618.449	13.233.354.217	1.194.222.660	61.501.322.469
- Khấu hao trong năm	2.062.145.784	313.160.630	302.524.968	134.042.066	-	2.811.873.448
- Thanh lý, nhượng bán	(42.537.235)	-	-	(422.860.973)	-	(465.398.208)
- Số cuối năm	**31.753.207.221**	**13.100.689.101**	**4.855.143.417**	**12.944.535.310**	**1.194.222.660**	**63.847.797.709**
Giá trị còn lại						
- Tại ngày đầu năm	26.278.871.497	379.151.727	1.415.516.476	288.787.607	-	28.362.327.307
- Tại ngày cuối năm	**24.216.725.713**	**65.991.097**	**1.112.991.508**	**154.745.541**	**-**	**25.550.453.859**
Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng						
Tại ngày đầu năm	4.648.972.195	5.416.880.198	4.152.985.093	13.066.040.008	1.194.222.660	28.479.100.154
- Tại ngày cuối năm	**4.606.434.960**	**12.934.680.198**	**4.152.985.093**	**12.706.813.581**	**1.194.222.660**	**35.595.136.492**

9. Tài sản cố định vô hình

Nhóm TSCĐ / Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
- Số đầu năm	16.717.530.000	89.500.000	16.807.030.000
- Số cuối năm	**16.717.530.000**	**89.500.000**	**16.807.030.000**
Giá trị hao mòn			
- Số đầu năm	-	89.500.000	89.500.000
- Khấu hao trong năm	-	-	-
- Số cuối năm	**-**	**89.500.000**	**89.500.000**
Giá trị còn lại			
- Tại ngày đầu năm	16.717.530.000	-	16.717.530.000
- Tại ngày cuối năm	**16.717.530.000**	**-**	**16.717.530.000**
Tài sản khấu hao hết còn sử dụng			
- Tại ngày đầu năm	-	89.500.000	89.500.000
- Tại ngày cuối năm	**-**	**89.500.000**	**89.500.000**

(*) Giá trị Quyền sử dụng đất lâu dài tại số Số 42 - 42A đường Đồng Nai, Phường Hòa Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh.

	Số cuối năm	Số đầu năm
10. Đầu tư dài hạn khác	**356.500.000**	**356.500.000**

Khoản đầu tư mua Cổ phiếu của Công ty CP In Hoàng Lê Kha Tây Ninh, số lượng 3.565 Cổ phiếu, chiếm tỷ lệ sở hữu 7,7% Vốn điều lệ Công ty nhận đầu tư.

11. Chi phí trả trước dài hạn

		Năm nay	Năm trước
-	Số đầu năm	1.944.213.599	980.088.645
-	Tăng trong năm	1.976.579.131	2.216.036.902
-	Kết chuyển vào chi phí kinh doanh trong năm	(2.388.027.695)	(1.251.911.948)
-	**Số cuối năm**	**1.532.765.035**	**1.944.213.599**

	Số cuối năm	Số đầu năm
12. Phải trả người bán	**644.000.000**	**-**

Khoản phải trả tiền in vé xổ số cho Công ty Cổ phần in Hoàng Lê Kha.

13. Người mua trả tiền trước

Khoản tiền ứng trước của các đại lý bán vé số tự chọn và đại lý vé số truyền thống

-	Trần Đặng Minh Trung	760.589.272	688.043.409
-	Trương Quốc Kỳ	105.670.395	143.085.275
-	Hà Thị Thùy Trang	180.809.720	-
-	Huỳnh Văn Bi	-	49.032.110
	Cộng	**1.047.069.387**	**880.160.794**

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

14.1 Tại Văn phòng Công ty

	Số đầu năm	Phải nộp trong năm	Thực nộp trong năm	Số cuối năm
- Thuế Giá trị gia tăng đầu ra hoạt động xổ số	41.166.073.224	650.807.020.646	643.230.000.000	48.743.093.870
- Thuế Giá trị gia tăng đầu ra hoạt động khác	103.292.595	296.076.353	370.000.000	29.368.948
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	51.801.637.902	854.405.691.700	839.331.251.187	66.876.078.415
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	68.174.049.749	216.203.061.568	195.174.049.749	89.203.061.568
- Lợi nhuận sau thuế TNDN nộp ngân sách	-	796.894.699.064	796.894.699.064	-
- Thuế TNCN các đại lý vé số truyền thống	3.923.236.210	53.826.580.815	53.525.603.320	4.224.213.705
- Thuế TNCN các đại lý vé số tự chọn	33.967.921	495.109.647	477.489.910	51.587.658
- Thuế TNCN công nhân viên và ngoài Công ty	489.001.166	6.910.190.220	7.075.893.940	323.297.446
- Thuế TNCN người trúng thưởng	13.466.000.000	182.605.590.000	181.504.090.000	14.567.500.000
- Tiền thuê đất	-	398.942.237	522.126.000	(123.183.763)
- Thuế khác	-	334.113	334.113	-
- Lệ phí môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	**179.157.258.767**	**2.762.846.296.363**	**2.718.108.537.283**	**223.895.017.847**
Trong đó:				
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	**179.157.258.767**			**224.018.201.610**
- Thuế nộp thừa (thuyết minh số V.7)	-			**(123.183.763)**

14.2 Tại Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

	Số đầu năm	Phải nộp trong năm	Thực nộp trong năm	Số cuối năm
- Thuế Giá trị gia tăng đầu ra	45.120.162	183.218.073	188.737.896	39.600.339
- Thuế nhà đất	(3.348.864)	1.674.432	-	(1.674.432)
- Lệ phí môn bài	-	1.000.000	1.000.000	-
Cộng	**41.771.298**	**185.892.505**	**189.737.896**	**37.925.907**

Trong đó:

- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	**45.120.162**	**39.600.339**
- Thuế nộp thừa (thuyết minh số V.7)	**(3.348.864)**	**(1.674.432)**

Thuế Giá trị gia tăng

Phương pháp tính thuế đầu ra : Phương pháp khấu trừ

Thuế suất : 10% trên doanh thu tính thuế Giá trị gia tăng.

Thuế Tiêu thụ đặc biệt

Thuế suất : 15% trên doanh thu tính thuế Tiêu thụ đặc biệt.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất : 20% trên thu nhập tính thuế.

Tiền thuê đất

Công ty có nghĩa vụ trả tiền thuê đất hàng năm theo Hợp đồng thuê đất số 01/07/HĐ-TĐ ngày 06 tháng 7 năm 2009 với UBND tỉnh Tây Ninh do Sở Tài nguyên và Môi trường làm đại diện.

- Mục đích thuê: Làm địa điểm kinh doanh (tại Số 315A, đường Trần Hưng Đạo, Khu phố 22, Phường Tân Ninh, Tỉnh Tây Ninh).

- Thời gian thuê: 50 năm (Từ ngày 15 tháng 5 năm 2009 đến ngày 15 tháng 5 năm 2059).

- Tiền thuê đất năm 2025 được Công ty nộp theo Thông báo số 58/TB-CTTNI ngày 07 tháng 01 năm 2025 của Cục thuế tỉnh Tây Ninh.

Các loại thuế khác

Công ty thực hiện kê khai và trích nộp theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo những cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính sẽ được xác định một cách chắc chắn theo quyết định cuối cùng của cơ quan Thuế.

		Số cuối năm	Số đầu năm
15.	**Phải trả người lao động**	**13.106.316.700**	**11.515.515.315**

- Tiền lương, các khoản có tính chất lương và các khoản còn phải trả người lao động.
- Công ty xác định quỹ tiền lương thực hiện năm 2025 cho Người lao động và Ban Điều hành căn cứ theo Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 và Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/09/2025 của Chính phủ.
- Quỹ tiền lương của Công ty được Hội đồng và Tổ giúp việc thẩm định tiền lương tại các doanh nghiệp Nhà nước thống nhất tại Biên bản số 2516/BB-SNV ngày 17/03/2026. Công ty đang thực hiện các thủ tục cần thiết trình Chủ sở hữu phê duyệt quyết định Quỹ tiền lương thực hiện năm 2025.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

- Trích trước chi phí trả thưởng	32.264.829.000	29.676.300.000
- Trích trước tiền điện thoại và các chi phí khác	141.727.980	177.685.593
Cộng	**32.406.556.980**	**29.853.985.593**

17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn **-** **18.181.818**

Doanh thu chưa thực hiện đầu năm liên quan đến hoạt động cung cấp kết quả xổ số qua tin nhắn trong năm 2025.

		Số cuối năm	Số đầu năm
18.	**Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**	**14.752.530**	**14.100.000**

Khoản phải trả khác cho Chi nhánh Hồ chí Minh.

19.	**Dự phòng rủi ro trả thưởng**	**53.099.886.600**	**160.694.668.180**

Quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng được trích lập và sử dụng theo Nghị định 122/2017/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số, sở giao dịch chứng khoán và trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

20. Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi

		Số đầu năm	Trích lập từ lợi nhuận	Chi trong năm	Số cuối năm
-	Quỹ khen thưởng CBCNV	2.162.117.213	1.856.153.935	(2.614.401.878)	1.403.869.270
-	Quỹ khen thưởng chi hỗ trợ	699.474.690	928.076.968	(1.514.413.920)	113.137.738
-	Quỹ phúc lợi CBCNV	1.137.599.443	1.856.153.935	(2.857.564.496)	136.188.882
-	Quỹ phúc lợi chi hỗ trợ	405.654.734	928.076.967	(1.142.029.545)	191.702.156
-	Quỹ khen thưởng Người quản lý (HĐTV)	89.232.371	355.200.000	(380.080.021)	64.352.350
-	Quỹ khen thưởng Người quản lý (KSV)	2.583.250	58.370.000	(51.533.000)	9.420.250
	Cộng	**4.496.661.701**	**5.982.031.805**	**(8.560.022.860)**	**1.918.670.646**

21. Phải trả dài hạn khác

Khoản nhận ký quỹ của các doanh nghiệp thuê văn phòng tại Chi nhánh Số 42 - 42A đường Đồng Nai, Phường Hòa Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh:

		Số cuối năm	Số đầu năm
-	Công ty Mỹ phẩm Nguyễn Gia (136m^2)	138.720.000	138.720.000
-	Công ty Cổ phần BEE8 (diện tích 105m^2)	93.375.000	93.375.000
-	Công ty TNHH Tư vấn TM và Dịch vụ Khoa học KT TRANSMED	89.640.000	89.640.000
-	Công ty CP TV và PT Công nghệ Thiên Bảo (60m^2)	80.000.000	80.000.000
-	Công ty TNHH Giải pháp Thanh toán toàn cầu EXPAY (71m^2)	59.640.000	59.640.000
-	Công ty TNHH SIMPLEX (Việt Nam)	48.510.000	48.510.000
-	Công ty TNHH Đầu tư Phúc Tiến (67m^2)	34.840.000	34.840.000
	Cộng	**544.725.000**	**544.725.000**

22. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

STT	Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
	Năm trước				
22.1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	488.800.000.000	-	-	488.800.000.000
22.2	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	704.134.050.869	(407.057.320.000)	297.076.730.869
	Cộng	**488.800.000.000**	**704.134.050.869**	**(407.057.320.000)**	**785.876.730.869**
	Năm nay				
22.1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	488.800.000.000	-	-	488.800.000.000
22.2	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	297.076.730.869	849.865.318.719	(802.876.730.869)	344.065.318.719
	Cộng	**785.876.730.869**	**849.865.318.719**	**(802.876.730.869)**	**832.865.318.719**

22.2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (PP)

		Năm nay	Năm trước
-	**Lợi nhuận chưa phân phối năm trước**	**297.076.730.869**	**-**
-	Phân phối lợi nhuận năm trước	**(297.076.730.869)**	**-**
+	*Bổ sung Quỹ Khen thưởng người lao động*	*(256.153.935)*	-
+	*Bổ sung Quỹ Khen thưởng chi hỗ trợ*	*(128.076.968)*	-
+	*Bổ sung Quỹ Phúc lợi chi người lao động*	*(256.153.935)*	-
+	*Bổ sung Quỹ Phúc lợi chi hỗ trợ*	*(128.076.967)*	-
+	*Quỹ khen thưởng Người quản lý (HĐTV)*	*(355.200.000)*	
+	*Quỹ khen thưởng Người quản lý (KSV)*	*(58.370.000)*	
+	*Lợi nhuận còn lại nộp Ngân sách Nhà nước*	*(295.894.699.064)*	-
-	**Lợi nhuận chưa PP chuyển năm nay**	**-**	**-**
-	**Lợi nhuận sau thuế năm nay**	**849.865.318.719**	**704.134.050.869**
-	Phân phối lợi nhuận năm nay *(tạm trích)*	**(505.800.000.000)**	**(407.057.320.000)**
+	*Quỹ Khen thưởng người lao động*	*(1.600.000.000)*	*(1.800.000.000)*
+	*Quỹ Khen thưởng chi hỗ trợ*	*(800.000.000)*	*(900.000.000)*
+	*Quỹ Phúc lợi chi người lao động*	*(1.600.000.000)*	*(1.800.000.000)*
+	*Quỹ Phúc lợi chi hỗ trợ*	*(800.000.000)*	*(900.000.000)*
+	*Lợi nhuận tạm nộp Ngân sách Nhà nước*	*(501.000.000.000)*	*(401.657.320.000)*
-	**LN năm nay chuyển sang năm sau**	**344.065.318.719**	**297.076.730.869**
-	**LN chưa PP luỹ kế chuyển sang năm sau**	**344.065.318.719**	**297.076.730.869**

Công ty tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025 theo quyết định số 82/QĐ-XSKT.CT ngày 19 tháng 06 năm 2025 của Chủ tịch Công ty.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHO NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN 2025

		Năm nay	Năm trước
23.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**		
-	**Tổng doanh thu**	**6.554.562.453.375**	**5.916.446.973.312**
+	Doanh thu kinh doanh xổ số	.6.550.443.636.364	5.912.768.881.818
*	*Xổ số truyền thống*	*6.490.884.354.545*	*5.863.618.509.091*
*	*Xổ số tự chọn*	*59.559.281.819*	*49.150.372.727*
+	Doanh thu cho thuê văn phòng	3.360.467.857	3.678.091.494
+	Doanh thu khác	758.349.154	-
-	**Các khoản giảm trừ doanh thu**	**(854.405.691.700)**	**(771.230.723.715)**
+	Thuế tiêu thụ đặc biệt	(854.405.691.700)	(771.230.723.715)
*	*Xổ số truyền thống*	*(846.637.089.722)*	*(764.819.805.533)*
*	*Xổ số tự chọn*	*(7.768.601.978)*	*(6.410.918.182)*
-	**Doanh thu thuần**	**5.700.156.761.675**	**5.145.216.249.597**
	Trong đó:		
+	Doanh thu kinh doanh xổ số	5.696.037.944.664	5.141.538.158.103
*	*Xổ số truyền thống*	*5.644.247.264.823*	*5.098.798.703.558*
*	*Xổ số tự chọn*	*51.790.679.841*	*42.739.454.545*
+	Doanh thu cho thuê văn phòng	3.360.467.857	3.678.091.494
+	Doanh thu khác	758.349.154	-

24. Chi phí kinh doanh

		Năm nay	Năm trước
-	Chi phí trả thưởng	3.532.057.636.400	3.178.360.116.680
-	Chi phí trực tiếp phát hành xổ số	1.139.871.578.498	1.030.206.580.470
-	Chi phí kinh doanh cho thuê văn phòng	2.109.335.964	2.104.608.305
	Cộng	**4.674.038.550.862**	**4.210.671.305.455**

25. Doanh thu hoạt động tài chính

-	Lãi tiền gửi	29.500.033.099	30.736.182.429
-	Cổ tức, lợi nhuận được chia	32.085.000	35.650.000
	Cộng	**29.532.118.099**	**30.771.832.429**

26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

-	Chi phí nhân viên quản lý	68.962.662.965	62.732.970.771
-	Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.557.081.072	3.766.001.446
-	Thuế, phí và lệ phí	401.942.237	357.336.854
-	Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.190.700.247	4.160.442.570
-	Chi phí bằng tiền khác	19.768.787.662	14.871.427.919
	Cộng	**96.881.174.183**	**85.888.179.560**

27. Thu nhập khác

		Năm nay	Năm trước
-	Hoàn nhập dự phòng rủi ro trả thưởng	107.160.314.980	-
-	Thu hồi, kiểm đếm, vô hiệu hóa và niêm phong vé xổ số không tiêu thụ hết	241.272.730	241.272.731
-	Thu thanh lý tài sản cố định, công cụ dụng cụ	2.727.273	289.090.909
-	Thu tiền bán vé hủy, cùi vé, giấy vụn	-	427.475.764
-	Thu cung cấp kết quả xổ số	-	23.636.364
-	Thu nhập khác	19.933.252	2.961.706
	Cộng	**107.424.248.235**	**984.437.474**

28. Chi phí khác

-	Chi phí thanh lý tài sản cố định	-	26.380.000
-	Các khoản tiền phạt	334.113	21.392.900
-	Chi phí khác	124.688.564	142.830.967
	Cộng	**125.022.677**	**190.603.867**

29. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

-	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**1.066.068.380.287**	**880.222.430.618**
-	Chi phí không hợp lý theo Luật thuế	14.979.012.553	255.118.128
-	Trừ thu nhập không chịu thuế (cổ tức được chia)	(32.085.000)	(35.650.000)
-	**Tổng thu nhập tính thuế**	**1.081.015.307.840**	**880.441.898.746**
-	Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
-	**Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành**	**216.203.061.568**	**176.088.379.749**

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ ngẫu nhiên, khoản cam kết dài hạn

Công ty đang thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với Hợp đồng thuê đất số 01/07/HĐ-TĐ ngày 06 tháng 7 năm 2009 với Ủy ban Nhân dân Tỉnh Tây Ninh do Sở Tài nguyên và Môi trường làm đại diện (tham chiếu thuyết minh số V.13) tại số 315A Đường Trần Hưng Đạo, Khu phố 22, Phường Tân Ninh, Tỉnh Tây Ninh. Diện tích thuê là 2.574 m^2. Thời gian thuê: 50 năm (từ ngày 15/05/2009 đến ngày 15/05/2059). Tiền thuê đất trả hàng năm

2. Tiền lương, thưởng và thu nhập khác của Chủ tịch Công ty, Trưởng ban kiểm soát, Ban điều hành

- Tiền lương, thưởng và thu nhập khác của Chủ tịch Công ty và Trưởng ban kiểm soát trong năm: **2.117.913.600 Đồng.**
- Tiền lương, thưởng và thu nhập khác của Ban điều hành trong năm: **4.895.400.000 Đồng.**

3. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán 2025 cho đến ngày phát hành Báo cáo tài chính này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

4. Thông tin tài chính có liên quan đến Báo cáo tài chính năm 2025

Các văn bản luật ban hành và có hiệu lực trong năm 2025 sau đây:

- Luật số 68/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về Luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp **có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2025**; Việc phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp có vốn nhà nước của năm tài chính 2025 được thực hiện theo quy định của Luật này.
- Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy dịnh về Quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước. **Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 4 năm 2025. Các chế độ quy định tại Nghị định này được thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2025/**
- Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20/03/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính Phủ quy định về hóa đơn, chứng từ. **Nghi định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 6 năm 2025.**

- Nghị định số 158/2025/NĐ-CP ngày 25/06/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về Bảo hiểm xã hội bắt buộc. **Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.**

- Nghị định 174/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025 của Chính phủ, quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết 204/2025/QH15. **Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.**

- Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 của Chinh Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng. **Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.**

- Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/09/2025 của Chính phủ về việc Quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước. **Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 9 năm 2025. Các chế độ quy định tại Nghị định này được thực hiện từ ngày 01 tháng 8 năm 2025.**

- Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. **Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành và áp dụng từ kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025.**

- Thông tư số 32/2025/TT-BTC ngày 31/05/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của luật quản lý thuế ngày 13/06/2019, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020, Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20//03/2025 của Chính Phủ quy định về hóa đơn, chứng từ. **Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 6 năm 2025**.

- Thông tư số 38/2025/TT-BTC ngày 13/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 22/2021/TT-BTC ngày 29/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về việc thành lập, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ chế hoạt động của Hội đồng giám sát xổ số. **Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.**

- Thông tư số 61/2025/TT-BTC ngày 30/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư 75/2013/TT-BTC hướng dẫn chi tiết về hoạt động kinh doanh xổ số. **Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.**

- Thông tư số 64/2025/TT-BTC, ngày 30/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân. **Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026.**

- Thông tư số 69/2025/TT-BTC ngày 01/07/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng. **Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.**

- Thông tư số 20/2026/TT-BTC ngày 12/03/2026 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15. Thông tư này thay thế Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 và Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. **Thông tư có hiệu lực từ ngày 12 tháng 3 năm 2026 và áp dụng kể từ kỳ tính thuế năm 2025.**

Tây Ninh, ngày 18 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Võ Thị Thanh Trang	Nguyễn Thanh Huy	Nguyễn Thanh Phong